

KẾ HOẠCH

**Nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX)
tỉnh Nam Định giai đoạn 2017 - 2020**

Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) được xác định hàng năm nhằm theo dõi, đánh giá thực chất, khách quan, công bằng trên cơ sở lượng hóa kết quả triển khai cải cách hành chính (CCHC) hàng năm của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020 của Chính phủ. Thông qua Chỉ số CCHC xác định được những mặt mạnh và hạn chế trong thực hiện công tác CCHC giúp cho các bộ, ngành, UBND các tỉnh điều chỉnh về mục tiêu, nội dung, giải pháp trong việc thực hiện kế hoạch CCHC hàng năm, góp phần nâng cao hiệu quả công tác CCHC, xây dựng nền hành chính trong sạch, vững mạnh, hiệu lực, hiệu quả.

Theo Quyết định số 4361/QĐ-BNV ngày 28/12/2016 của Bộ Nội vụ về việc Phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”, có nhiều tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định chặt chẽ, thực chất, sát với thực tế hơn, thang điểm và chấm điểm, thẩm định cụ thể, chi tiết hơn. Điểm đánh giá Chỉ số CCHC của các tỉnh, thành phố là 100 điểm, được cấu trúc thành 2 nhóm, cụ thể:

- Nhóm I: (62 điểm) Đánh giá kết quả thực hiện CCHC của các tỉnh, thành phố gồm 8 lĩnh vực, 32 tiêu chí và 64 tiêu chí thành phần, cụ thể: Công tác chỉ đạo, điều hành; Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại tỉnh; Cải cách TTHC; Cải cách tổ chức bộ máy; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CB CCVC; Cải cách tài chính công; Hiện đại hóa hành chính và thực hiện cơ chế một cửa. Trong đó, có 1 điểm được xác định qua so sánh giữa việc tự chấm điểm của tỉnh và điểm thẩm định của Bộ Nội vụ.

- Nhóm II: (38 điểm). Đánh giá tác động của CCHC thông qua việc điều tra xã hội học theo 8 nội dung, 27 tiêu chí của CCHC tác động đến: Sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; chất lượng thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước; tình hình giải quyết TTHC; tổ chức bộ máy; đến đội ngũ công chức giải quyết TTHC; quản lý tài chính công; hiện đại hóa hành chính và chất lượng cung cấp dịch vụ công của tỉnh. Cách tính điểm nhóm II như sau:

+ Tỉnh tự đánh giá, chấm điểm (5,50 điểm): Tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (3,00 điểm) và mức độ hài lòng của người dân, tổ chức về chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công (2,50 điểm).

+ Qua việc điều tra xã hội học để đánh giá tác động của CCHC theo 7 nội dung, 24 tiêu chí (32,50 điểm).

Chỉ số CCHC của tỉnh Nam Định từ năm 2012 đến năm 2015 được duy trì thuộc nhóm các tỉnh đạt điểm Chỉ số CCHC ở mức độ khá, trung bình. Năm 2016 xếp thứ 40/63 tỉnh, thành phố (tăng 7 bậc so với năm 2015), đạt 70,46 điểm, Chỉ số CCHC là 72,27% thuộc nhóm C (gồm 33 tỉnh), thấp hơn 1,37% so với giá trị trung bình. Tỉnh chấm điểm và Bộ Nội vụ thẩm định là 45/65 điểm (đạt 69,23%) và điểm qua điều tra xã hội học là 25,46/32,50 điểm (đạt 73,34%).

Nhằm đẩy mạnh thực hiện công tác CCHC, UBND tỉnh ban hành kế hoạch nâng cao Chỉ số CCHC tỉnh Nam Định giai đoạn 2017 - 2020, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Mục đích

- Để triển khai công tác CCHC của tỉnh phù hợp, đồng bộ với việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 09/6/2016 của Tỉnh ủy Nam Định về đẩy mạnh CCHC, nâng cao năng lực cạnh tranh, xúc tiến và thu hút đầu tư giai đoạn 2016 - 2020.

- Xác định rõ trách nhiệm Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, các huyện, thành phố trong việc chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện CCHC tại các cơ quan, đơn vị; nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức và sự tham gia của người dân, tổ chức, doanh nghiệp trong việc đẩy mạnh thực hiện CCHC nhằm cải thiện Chỉ số CCHC hàng năm của tỉnh.

- Phấn đấu tăng điểm kết quả xếp hạng Chỉ số CCHC năm 2017, đến năm 2020 thuộc nhóm các tỉnh đạt điểm khá trở lên.

2. Yêu cầu

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả việc cải thiện, nâng cao Chỉ số CCHC của tỉnh là nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị, trong đó chủ thể chính là các cơ quan hành chính nhà nước các cấp của tỉnh.

- Xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm, thời gian thực hiện của từng tiêu chí phải đạt được hàng năm của từng cơ quan, đơn vị; phát huy những mặt mạnh đã đạt được, khắc phục những tồn tại, hạn chế nhằm cải thiện và phát triển bền vững từng chỉ số thành phần trong việc xác định Chỉ số CCHC của tỉnh.

- Triển khai, tổ chức thực hiện Kế hoạch nâng cao Chỉ số CCHC đồng bộ ở tất cả các ngành, các cấp từ tỉnh đến cấp huyện và cấp xã; các sở, ban, ngành có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ CCHC tại cơ quan và triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ CCHC theo chuyên ngành quản lý trên địa bàn tỉnh; các huyện, thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ CCHC tại đơn vị và triển khai thực hiện đồng bộ, thống nhất và hiệu quả các nhiệm vụ CCHC tại tất cả các xã, phường, thị trấn trực thuộc.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

Trên cơ sở các tiêu chí, tiêu chí thành phần cấu thành Bộ chỉ số CCHC cấp tỉnh và kết quả Chỉ số CCHC năm 2016 của tỉnh đạt được, nhằm nâng cao Chỉ số CCHC của tỉnh từ năm 2017 đến năm 2020, Kế hoạch được phân thành 2 nhóm nhiệm vụ theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần, cụ thể: Nhóm các nhiệm vụ cần

phát huy, duy trì điểm tối đa đã đạt được năm 2016 và nhóm các nhiệm vụ cần phải phấn đấu, cải thiện để đạt điểm tối đa theo lộ trình đến năm 2020; theo các nhóm nhiệm vụ trên, đòi hỏi người đứng đầu các ngành, các cấp quan tâm hơn, quyết liệt hơn trong việc chỉ đạo, điều hành và phấn đấu thực hiện ngay trong các tháng cuối năm 2017 và các năm tiếp theo.

1. Các nhiệm vụ, trách nhiệm thực hiện cần phát huy, duy trì điểm tối đa theo các tiêu chí của Chỉ số CCHC (theo biểu số 1 kèm theo)

Nhóm các nhiệm vụ cần phát huy, duy trì ổn định do đã đạt điểm tối đa thuộc 8 lĩnh vực theo kết quả Chỉ số CCHC tỉnh Nam Định năm 2016 theo biểu số 1 kèm theo, điển hình là lĩnh vực 4 về cải cách tổ chức bộ máy hành chính đã đạt tối đa 6,50/6,50 điểm; song trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện công tác CCHC, các cơ quan, đơn vị cần quan tâm, lưu ý một số điểm sau:

- Cấp ủy Đảng và Người đứng đầu các các ngành, các cấp thường xuyên quan tâm việc quán triệt mục đích, ý nghĩa và nhiệm vụ CCHC đến toàn thể cán bộ, công chức; Tăng cường thông tin, tuyên truyền để nâng cao nhận thức của Lãnh đạo các ngành, các cấp và của đội ngũ cán bộ, công chức và xác định CCHC là nhiệm vụ, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt là giải pháp quan trọng để thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

- Thực hiện nghiêm quy định trách nhiệm của Người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện công tác CCHC, tập trung nguồn lực cho công tác CCHC và chế độ hỗ trợ đối với công chức làm nhiệm vụ CCHC.

- Các sở, ban, ngành được giao nhiệm vụ tham mưu, giúp UBND tỉnh theo chuyên ngành, hàng năm chủ động xây dựng trình UBND tỉnh ban hành kịp thời, đúng quy định và triển khai thực hiện đồng bộ, thống nhất trên địa bàn tỉnh; các nhiệm vụ cụ thể phải đảm bảo tính khả thi, thực hiện 100% nhiệm vụ đã đề ra.

- Thường xuyên đôn đốc, theo dõi, kiểm tra tình hình tổ chức thực hiện để kịp thời nắm bắt được những vướng mắc, hạn chế để đề xuất, kiến nghị và xử lý ngay các vướng mắc, hạn chế không để tình trạng tồn đọng lâu dài.

- Thực hiện việc báo cáo định kỳ và đột xuất theo đúng quy định.

- Nghiên cứu đề ra giải pháp đột phá trong tổ chức thực hiện CCHC; thực hiện nghiêm theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông, nhận, trả hồ sơ vào tất cả các ngày làm việc trong tuần và sáng thứ 7 đối với tất cả các lĩnh vực.

- Thực hiện tốt việc tổ chức điều tra XHH để xác định Chỉ số CCHC hàng năm của tỉnh và của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và điều tra sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh.

2. Các nhiệm vụ cần cải thiện để đạt điểm tối đa theo tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC (theo biểu số 2 kèm theo)

2.1. Xây dựng, ban hành và báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch công tác CCHC: Các sở, ban, ngành được giao nhiệm vụ tham mưu, giúp UBND tỉnh phải xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành kịp thời, đúng quy định và đảm bảo tính khả thi, thực hiện 100% các nhiệm vụ theo kế hoạch.

2.2. Các cơ quan được UBND tỉnh giao nhiệm vụ tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí theo lĩnh vực chuyên ngành quản lý để xác định Chỉ số CCHC của tỉnh, tham gia Đoàn kiểm tra CCHC và thẩm định Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm cử Lãnh đạo và công chức có chuyên môn nghiệp vụ cao, kinh nghiệm để thực hiện tốt nhiệm vụ UBND tỉnh giao hàng năm.

2.3. Tăng cường việc hướng dẫn, phổ biến thực hiện quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo đúng quy định về quy trình, nội dung và thẩm quyền; thực hiện chế độ báo cáo theo dõi thi hành pháp luật theo đúng quy định.

2.4. Công khai TTHC và đường dây nóng, địa chỉ Email của tỉnh: Sở Tư pháp có trách nhiệm cung cấp đầy đủ về số lượng, danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cho các cơ quan, đơn vị và đường dây nóng, Email của cấp tỉnh cho các sở, ban, ngành, UBND từng huyện, cấp xã; hướng dẫn việc công khai, minh bạch TTHC, đường dây nóng thống nhất chung trong toàn tỉnh tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và trên Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị.

2.5. Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm theo Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh.

2.6. Thực hiện đúng quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp sở và tương đương: Các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm các quy định trong công tác bổ nhiệm, điều động, luân chuyển cán bộ lãnh đạo quản lý các ngành, các cấp.

2.7. Xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp đối với các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện áp dụng.

2.8. Xây dựng, triển khai thực hiện và duy trì Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Nam Định; các phần mềm quản lý, điều hành bảo đảm bảo thông suốt từ cấp tỉnh tới cấp huyện, cấp xã; tăng cường thực hiện việc trao đổi văn bản điện tử, phần mềm quản lý văn bản.

2.9. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ TTHC được xử lý ở mức độ 3 và mức độ 4: Các cơ quan, đơn vị tích cực cung cấp dịch vụ công và giải quyết hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết ở mức độ 3 và 4.

2.10. Thực hiện quy định về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1547/QĐ-UBND ngày 07/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.

2.11. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn thực hiện nghiêm túc Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 12/10/2015 của UBND tỉnh, cụ thể thực hiện:

- Ban hành, tổ chức thực hiện quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan, đơn vị và ban hành quyết định thực hiện 100% TTHC theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông.

- Các huyện, thành phố hướng dẫn các xã, phường, thị trấn ban hành và tổ chức thực hiện quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông và ban hành quyết định thực hiện 100% TTHC theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông.

- Đẩy mạnh thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa liên thông.

- Phấn đấu 100% các cơ quan, đơn vị có 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận được giải quyết đúng và sớm hạn.

- Thực hiện công khai đầy đủ, đúng quy định về TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, đường dây nóng, địa chỉ Email của các cấp, thời gian làm việc và thực hiện nghiêm quy trình giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa.

- Các cơ quan, đơn vị quyết định cử công chức làm việc theo chế độ chuyên trách và thực hiện việc chỉ hỗ trợ cho công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo đúng quy định.

2.12. Thống nhất thực hiện mô hình quản lý chung tại các cơ quan, đơn vị là Văn phòng cơ quan (cấp huyện là Văn phòng HĐND và UBND các huyện, thành phố) là đầu mối quản lý TTHC, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 để đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành thống nhất và hiệu quả.

2.13. Từng bước xây dựng và tổ chức thực hiện mô hình Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại tại một số huyện, thành phố.

2.14. Thực hiện các giải pháp hữu hiệu để nâng cao năng lực cạnh tranh, xúc tiến và thu hút đầu tư nhằm đẩy mạnh việc thành lập mới doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2.15. Hàng năm tổ chức điều tra xã hội học để xác định Chỉ số CCHC của tỉnh và của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố và điều tra sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về việc tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ nâng cao chỉ số CCHC tại đơn vị; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, điều hành; tăng cường kiểm tra việc thực hiện công tác CCHC tại các đơn vị trực thuộc, định kỳ báo cáo tiến độ thực hiện công tác CCHC về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ để tổng hợp).

2. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp triển khai, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ nâng cao Chỉ số CCHC; theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ nâng cao Chỉ số CCHC; tổ chức điều tra XHH để xác định các Chỉ số CCHC hàng năm và điều tra sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh.

3. Sở Thông tin Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố triển khai các nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền; ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành

chính nhà nước; theo dõi đôn đốc việc triển khai dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ TTHC được xử lý ở mức độ 3 và mức độ 4, việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ; chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng, tổ chức thực hiện mô hình một cửa hiện đại tại các huyện, thành phố.

4. Sở Tư pháp có trách nhiệm đẩy mạnh đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng và ban hành văn bản QPPL; đẩy mạnh cải cách TTHC theo hướng đơn giản, dễ hiểu và dễ thực hiện; nâng cao chất lượng giải quyết TTHC trong tất cả các lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước, nhất là TTHC liên quan đến người dân và doanh nghiệp.

5. Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong việc nâng cấp, công bố, duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan, đơn vị; tăng cường kiểm tra, giám sát việc duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 và đẩy nhanh việc xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại các xã, phường, thị trấn.

6. Sở Tài chính có trách nhiệm cân đối, bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ CCHC; hướng dẫn, theo dõi các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Nam Định;
- Website tỉnh;
- Lưu: VP1, VP8.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH



Phạm Đình Nghị

CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN CẦN PHÁT HUY VÀ DUY TRÌ ĐỂ NÂNG CAO CHỈ SỐ CCHC TỈNH NAM ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: **78**/KH-UBND ngày **14/8/2017** của UBND tỉnh Nam Định)

STT	Nhiệm vụ	Yêu cầu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp thực hiện	Điểm cần duy trì
1	Công tác chỉ đạo, điều hành				
1.1	Kế hoạch CCHC năm				
1.1.1	Kế hoạch CCHC năm của tỉnh	Ban hành quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố	0,5
1.1.2	Chất lượng kế hoạch CCHC	Đúng yêu cầu theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố	0,50
1.2.1	Báo cáo CCHC định kỳ	Đúng yêu cầu theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố	1,00
1.3	Kiểm tra công tác CCHC	Đúng theo quy định: Về tỷ lệ tên 30% số cơ quan chuyên môn và các huyện, thành phố; xử lý và kiến nghị xử lý 100% các vấn đề phát hiện	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố	2,00
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	Hoàn thành 100% kế hoạch tuyên truyền CCHC và thực hiện tuyên truyền đầy đủ nội dung CCHC thông qua các kênh truyền thống	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố	1,50
1.5	Sáng kiến trong CCHC	Có sáng kiến trong thực hiện nhiệm vụ CCHC của tỉnh	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố	1,00
2	Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)				
2.1.1	Xây dựng VBQPPL trong năm theo danh mục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	Ban hành đúng tiến độ 100% số VBQPPL trong năm theo danh mục đã được phê duyệt	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố	1,50
2.2.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật	Hoàn thành 100% kế hoạch	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố	1,00
2.2.3	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố	1,00
2.3	Rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	Báo cáo đúng nội dung và thời gian về kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL. Xử lý hoặc kiến nghị xử lý 100% các vấn đề phát hiện qua rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố	1,50

STT	Nhiệm vụ	Yêu cầu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp thực hiện	Điểm cần duy trì
2.4	Kiểm tra, xử lý văn bản QPPL	Báo cáo kiểm tra, xử lý VBQPPL đủ nội dung và đúng thời gian. Xử lý hoặc kiến nghị xử lý 100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố	1,50
3	Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)				
3.1	Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính	Hoàn thành 100% kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC. Xử lý hoặc kiến nghị xử lý 100% các vấn đề phát hiện qua rà soát.	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố	2,00
3.2	Công bố, cập nhật TTHC	Công bố, cập nhật đầy đủ, kịp thời TTHC, các văn bản quy định về TTHC vào cơ sở dữ liệu quốc gia	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố	2,00
3.3.2	Công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị	100% các sở, ban, ngành và các huyện, thành phố thực hiện	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố	1,00
3.3.3	Công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh	100% số TTHC được công khai đúng quy định trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố	1,00
3.4.2	Xử lý PAKN đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	100% số PAKN đối với TTHC của tỉnh được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	Sở Thông tin và TT	Các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố	1,00
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính				
4.1	Tuân thủ các quy định của chính phủ và hướng dẫn của các bộ ngành về tổ chức bộ máy	Thực hiện đầy đủ theo quy định	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố	1,50
4.2	Kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện	Kiểm tra trên 30% số cơ quan, đơn vị và xử lý hoặc kiến nghị xử lý 100% số vấn đề được phát hiện qua kiểm tra	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố	2,00
4.3	Thực hiện phân cấp quản lý	Thực hiện đúng các quy định phân cấp, đánh giá, kiểm tra định kỳ và xử lý hoặc kiến nghị xử lý 100% số vấn đề được phát hiện qua kiểm tra	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố	3,00
5	Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức				
5.2	Tuyển dụng công chức, viên chức	Thực hiện đúng quy định về tuyển dụng công chức, viên chức tại các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện, xã và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, các huyện, TP và các đơn vị SN công lập	1,00
5.3	Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của tỉnh	Thực hiện đúng quy định về thi nâng ngạch công chức và về thi, xét thăng hạng viên chức	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố	1,00

STT	Nhiệm vụ	Yêu cầu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp thực hiện	Điểm cần duy trì
5.5	Thực hiện quy định về đánh giá, phân loại công chức, viên chức	Thực hiện đúng theo quy định	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, các huyện, TP và các đơn vị SNCL	0,50
5.6	Mức độ hoàn thành kế hoạch tình giản biên chế	Hoàn thành 100% kế hoạch	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố	1,00
5.7	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức	Thực hiện đúng quy định và hoàn thành 100% kế hoạch	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, huyện, TP	1,50
5.8	Cán bộ công chức cấp xã	100% số cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn và từ 70% trở lên số CBCC cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ trong năm	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố	1,50
6	Cải cách tài chính công				
6.1	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính	Thực hiện đúng quy định	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố	1,00
6.2	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh	100% đơn vị triển khai thực hiện; có số đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên năm sau tăng so với năm trước; 100% số đơn vị thực hiện đúng quy định về phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, các huyện, TP và các đơn vị SN công lập	2,50
8	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông				
8.1.1	Thủ tục hành chính giải quyết theo cơ chế một cửa của cấp tỉnh	100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành được hiện theo cơ chế một cửa	Sở Tư pháp, NV	Các Sở, ban, ngành	1,00
8.1.2	Số đơn vị hành chính cấp huyện có 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết thực hiện theo cơ chế một cửa	100% các huyện, thành phố có 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết thực hiện theo cơ chế một cửa	Sở Tư pháp, NV	Các huyện, thành phố	1,50
II	Tác động của CCHC				
1	Tác động đến sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh				
1,1	Mức độ thu hút đầu tư	Cao hơn so với năm trước liền kề	Sở Kế hoạch và ĐT và VP UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố	1,50


NHIỆM VỤ CẢN CẢI THIỆN CHỈ SỐ CCHC TỈNH NAM ĐỊNH (PAR INDEX)

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 78/KH-UBND ngày 14/8/2017 của UBND tỉnh Nam Định)

STT	Yêu cầu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp thực hiện	Lộ trình (điểm)			
				2017	2018/2019	2020	
I	Nhiệm vụ thực hiện CCHC của tỉnh						
1	Công tác chỉ đạo, điều hành						
1.1.3 và 7.1.1	Kế hoạch CCHC và các kế hoạch theo chuyên ngành của tỉnh	Trong quý IV của năm liền kề năm kế hoạch. Xác định rõ các nhiệm vụ, trách nhiệm cơ quan, đơn vị thực hiện. Báo cáo đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch cụ thể, rõ ràng	Sở Nội vụ, Thông tin và TT	Các sở, ban, ngành	Tối đa 2,00	Tối đa	Tối đa
1.2.2	Báo cáo tự chấm điểm xác định kết quả CCHC	Độ chính xác của việc tự chấm điểm so với kết quả thẩm định của Bộ Nội vụ xác định kết quả CCHC hàng năm	Sở Nội vụ	Các sở được giao nhiệm vụ	0,50	0,50	Tối đa 1,00
2	Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)						
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng văn bản QPPL	Các văn bản QPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành, huyện, TP	0,50	Tối đa	Tối đa
2,2	Thực hiện báo cáo theo dõi thi hành pháp luật	Báo cáo đúng nội dung, thời gian quy định	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành, huyện, TP	0,50	Tối đa	Tối đa
3	Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)						
3,3	Công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định	100% các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành và các huyện, thành phố	Tối đa 1,00	Tối đa	Tối đa
3,4	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) thuộc thẩm quyền giải quyết	100% các cơ quan, đơn vị thực hiện tiếp nhận PAKN và công khai đúng, đủ đường dây nóng, Email của các cấp	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành và các huyện, thành phố	Tối đa 1,00	Tối đa	Tối đa

5	Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức						
5.1.1	Thực hiện đúng cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	Thực hiện đúng cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, huyện, TP	1,00	Tối đa 1,00	Tối đa
5.1.2	Thực hiện đúng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	Thực hiện đúng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	Sở Nội vụ	Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh	0	0,50	Tối đa
5.4	Thực hiện đúng quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp sở và tương đương	Thực hiện đúng các quy định trong công tác bổ nhiệm, điều động, luân chuyển cán bộ lãnh đạo quản lý các ngành, các cấp	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, huyện, TP	0	Tối đa 1,00	Tối đa
6	Cải cách tài chính công						
6.2.3	Thực hiện Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp	Xây dựng, tổ chức thực hiện Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp đối với đơn vị SN công có đủ điều kiện áp dụng	Sở Tài chính	Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh	0	0,25	Tối đa 0,50
7	Hiện đại hóa hành chính						
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh						
7.1.2	Xây dựng và triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Nam Định	Ban hành và duy trì Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Nam Định theo quy định	Sở Thông tin và TT	Các Sở, ban, ngành, huyện, TP	1,00	1,00	Tối đa
7.1.3	Việc trao đổi văn bản dưới dạng điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước	Trên 80% số văn bản được trao đổi dưới dạng điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước	Sở Thông tin và TT	Các Sở, ban, ngành và các huyện, thành phố	0,50	0,50	Tối đa
7.1.4	Kết nối, liên thông các phần mềm quản lý văn bản từ tỉnh đến cấp huyện, cấp xã	Kết nối, liên thông các phần mềm quản lý văn bản từ tỉnh đến cấp huyện, cấp xã	Sở Thông tin và TT	Các Sở, ban, ngành, huyện, TP	1,00	Tối đa 1,00	Tối đa
7.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến						
7.2.1	Hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3	Tăng cường xử lý hồ sơ TTHC trực tuyến mức độ 3 tại các cơ quan, đơn vị	Sở Thông tin và TT	Các Sở, ban, ngành, huyện, TP	0	0,50	1,00

7.2.2	Hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4	Tăng cường xử lý hồ sơ TTHC trực tuyến mức độ 4 tại các cơ quan, đơn vị	Sở Thông tin và TT	Các Sở, ban, ngành, huyện, TP	0	0,50	1,00
7.2.3	Tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích	Thực hiện đúng quy định việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích	Sở Thông tin và TT	Các Sở, ban, ngành và các huyện, thành phố	0,50	Tối đa 0,50	Tối đa
7,3	Áp dụng Hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008						
7.3.1	Áp dụng Hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008	Các cơ quan chuyên môn của tỉnh và 10 huyện, thành phố công bố Hệ thống QLCL phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008	Sở Khoa học và CN	Các Sở, ban, ngành và các huyện, thành phố	0,50	Tối đa 0,50	Tối đa
7.3.2	Áp dụng Hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008	Các xã, phường, thị trấn công bố Hệ thống QLCL phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008	Sở Khoa học và CN	229 xã, phường, thị trấn	0	0,25	0,25
7.3.3	Thực hiện đúng việc duy trì Hệ thống QLCL phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008	Các cơ quan chuyên môn của tỉnh và 10 huyện, thành phố thực hiện đúng việc duy trì Hệ thống QLCL phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008	Sở Khoa học và CN	Các Sở, ban, ngành và các huyện, thành phố	0	Tối đa 0,50	Tối đa
II	Tác động của CCHC						
1	Tác động đến sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh						
1,2	Doanh nghiệp thành lập mới trong năm	Số lượng doanh nghiệp thành lập mới trong năm	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành và các huyện, thành phố	1,00	Tối đa 1,50	Tối đa
8,3	Điều tra sự hài lòng của người dân, tổ chức về chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công	Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức về chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, huyện, TP và xã, phường, thị trấn	1,50	1,50	1,50